

Số: **03/2026/QĐST-HNGĐ**

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 301/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1996; CCCD: 048196006904; Trú tại: Số G B, tổ D, phường L, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân T1; sinh năm 1989; CCCD: 027089012499; Trú tại: Số G B, tổ D, phường L, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T nên Giấy chứng nhận kết hôn số 84 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (nay là xã B), TP Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2017 không còn giá trị pháp lý*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trịnh Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: ông Trịnh Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung Trịnh Xuân T2, sinh ngày 27/4/2017 và Trịnh Xuân T3, sinh ngày 24/6/2020. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con Trịnh Xuân T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và giao con Trịnh Xuân T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp nuôi dưỡng con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền,

lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông T1 xác định không có.

- Về nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà T và ông T1 mỗi người chịu 75.000 đồng, bà T tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004828 ngày 03/11/2025.

Hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004828 ngày 03/11/2025

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND KV4 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND xã B, Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hạnh